

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : L0672005 - Auto CAD căn bản  
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0)      Lần thi : 1  
Năm học : 2012-2013      Học kỳ : 2

| STT | Họ và tên         |        | MSSV       | Ngày sinh  | Điểm thi    |             | Điểm TKHP | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------|------------|------------|-------------|-------------|-----------|---------|
|     |                   |        |            |            | Giữa học kỳ | Cuối học kỳ |           |         |
| 1   | NGÔ NHẬT          | KHOAN  | 3610501003 | 24/06/1989 | 8,00        | 3,00        | 4,50      |         |
| 2   | TRẦN CÔNG         | TÙNG   | 3610501004 | 21/04/1989 | 8,00        | 3,00        | 4,50      |         |
| 3   | LÊ VĂN            | ĐÔNG   | 3610501005 | 10/11/1990 | 8,00        | 3,00        | 4,50      |         |
| 4   | PHAN MINH         | TIẾN   | 3610501006 | 28/08/1989 | 9,00        | 2,00        | 4,10      |         |
| 5   | TRẦN BÁ           | NINH   | 3610501009 | 10/01/1988 | 8,00        | 6,00        | 6,60      |         |
| 6   | NGÔ MINH          | TRIẾT  | 3610501011 | 20/04/1989 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 7   | CAO MINH          | TỐI    | 3610501017 | 11/10/1991 | 7,00        | 3,00        | 4,20      |         |
| 8   | LÊ ĐÌNH QUỐC      | TRUNG  | 3610501023 | 19/02/1991 | 7,00        | 2,00        | 3,50      |         |
| 9   | NGUYỄN VĂN        | NGHĨA  | 3610501024 | 20/03/1982 | 7,00        | 1,00        | 2,80      |         |
| 10  | HUỖNH VĂN         | TRUNG  | 3610501030 | 15/09/1989 | 8,00        | 2,00        | 3,80      |         |
| 11  | ĐẶNG THIÊN        | CHIẾN  | 3610501031 | 26/07/1978 | 8,00        | 3,00        | 4,50      |         |
| 12  | TRẦN NGUYỄN HOÀNG | PHƯỚC  | 3610501032 | 02/09/1991 | 6,00        | 2,00        | 3,20      |         |
| 13  | PHÙ MINH          | TÂM    | 3610501033 | 16/05/1990 | 8,00        | 5,00        | 5,90      |         |
| 14  | ĐOÀN TRUNG        | HẬU    | 3610501034 | 04/11/1987 | 8,00        | 4,00        | 5,20      |         |
| 15  | PHAN NGỌC         | HUY    | 3610501039 | 01/10/1988 | 5,00        | 2,00        | 2,90      |         |
| 16  | TÂN THẮNG         | TÔNG   | 3610501041 | 02/12/1990 | 9,00        | 1,00        | 3,40      |         |
| 17  | TRẦN HIẾU         | THẢO   | 3610501042 | 10/09/1991 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 18  | ĐỖ HIỂN           | ĐẠT    | 3610501047 | 26/08/1991 | 8,00        | 4,00        | 5,20      |         |
| 19  | LƯƠNG THẾ         | ANH    | 3610501048 | 23/06/1991 | 8,00        | 1,00        | 3,10      |         |
| 20  | NGUYỄN DUY        | SÂM    | 3610501050 | 01/05/1989 | 6,00        | 2,00        | 3,20      |         |
| 21  | DƯƠNG MINH        | TÀI    | 3610501055 | 06/10/1990 | 7,00        | 1,00        | 2,80      |         |
| 22  | NGUYỄN KHẮC       | LONG   | 3610501066 | 10/01/1991 | 5,00        | 1,00        | 2,20      |         |
| 23  | NGUYỄN VĂN        | TÂN    | 3610501072 | 18/11/1991 | 6,00        | 2,00        | 3,20      |         |
| 24  | PHẠM VĂN          | HÙNG   | 3610501073 | 17/10/1989 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 25  | LÊ THỊ HIẾU       | THUẬN  | 3610501075 | 04/08/1988 | 8,00        | 2,00        | 3,80      |         |
| 26  | NGUYỄN THÀNH      | TRUNG  | 3610501090 | 07/07/1988 | 8,00        | 4,00        | 5,20      |         |
| 27  | TRẦN MẠNH         | QUỐC   | 3610501091 | 21/10/1991 | 6,00        | 2,00        | 3,20      |         |
| 28  | NGUYỄN TUẤN       | EM     | 3610501094 | 08/05/1990 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 29  | NGUYỄN VĂN        | KHOA   | 3610501098 | 05/07/1987 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 30  | HỒ ĐÌNH           | LAN    | 3610501100 | 02/03/1990 | 7,00        | 3,00        | 4,20      |         |
| 31  | TRẦN MINH         | TUẤN   | 3610501110 | 20/05/1991 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 32  | NGUYỄN TẤN        | HÙNG   | 3610501112 | 15/09/1988 | 8,00        | 3,00        | 4,50      |         |
| 33  | LÊ QUANG          | VŨ     | 3610501115 | 20/10/1986 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 34  | VÕ VĂN            | PHƯƠNG | 3610501116 | 01/05/1990 | 8,00        | 2,00        | 3,80      |         |
| 35  | TRẦN THANH        | SANG   | 3610501117 | 02/02/1990 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |

| STT | Họ và tên    |       | MSSV       | Ngày sinh  | Điểm thi    |             | Điểm TKHP | Ghi chú |
|-----|--------------|-------|------------|------------|-------------|-------------|-----------|---------|
|     |              |       |            |            | Giữa học kỳ | Cuối học kỳ |           |         |
| 36  | NGUYỄN THANH | HÙNG  | 3610501125 | 18/02/1988 | 8,00        | ,00         | 2,40      |         |
| 37  | TRẦN THANH   | TUYỀN | 3610501127 | 26/02/1987 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 38  | NGUYỄN BẢO   | PHONG | 3610501130 | 09/09/1988 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 39  | NGUYỄN HỒNG  | QUANG | 3610501134 | 26/05/1989 | 8,00        | 1,00        | 3,10      |         |
| 40  | TRẦN         | QUỐC  | 3610501136 | 01/10/1988 | 5,00        | 2,00        | 2,90      |         |
| 41  | NGUYỄN VĂN   | CUỜNG | 3610501138 | 20/02/1988 | 6,00        | 1,00        | 2,50      |         |
| 42  | NGUYỄN VĂN   | DŨNG  | 3610501141 | 04/07/1990 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 43  | LÊ VĂN       | LÃM   | 3610501143 | 20/09/1990 | 7,00        | 2,00        | 3,50      |         |
| 44  | NGUYỄN TRỌNG | BÌNH  | 3610501147 | 11/05/1987 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 45  | DIỆP CHÍ     | VĂN   | 3610501157 | 26/02/1983 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 46  | LÊ CÔNG      | TÀI   | 3610501160 | 02/02/1990 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 47  | NÔNG QUỐC    | CUỜNG | 3610501173 | 16/11/1990 | ,00         | ,00         | ,00       | CT      |
| 48  | PHẠM NGỌC    | THANH | 3610501174 | 07/02/1990 | 8,00        | 1,00        | 3,10      |         |

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm  
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo  
(Họ tên và chữ ký)